TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2018/DS
Ngày 06-02- 2018
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông: Nguyễn Hồng Thanh

Bà: Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bùi Ngọc Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105 /2017/ST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện 3, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2017/QĐPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị Hồng A; địa chỉ khu vực 1, phường 2, thành phố 3, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Lâm S; địa chỉ, phường 2, quận 3, thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2017).

2. Bị đơn: Lê Kim H; địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đặng Văn T; địa chỉ ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Đặng Kim O; địa chỉ ấp ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Hậu Giang.

Do có kháng cáo của bị đơn - bà Lê Kim H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 14/02/2016, bà Lê Kim H có vay của chị Nguyễn Thị Hồng A 250.000.000 đồng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đặng Văn T đứng tên. Hai bên có thỏa thuận lãi 0,81% tháng, thời hạn vay đến 14/02/2017. Hai bên có làm Giấy vay tiền lập ngày 14/02/2016. Từ khi vay đến nay bà H không đóng lãi cũng không trả vốn nên chị A khởi kiện yêu cầu bà H trả 250.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận từ khi vay đến 14/02/2017, sau ngày 14/02/2017 đến khi xét xử tính lãi theo qui định của pháp luật. Bà H không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của chị A. Bà cho rằng vào năm 2017 chị Đặng Thị O - con gái bà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà là ông Đặng Văn T để thế chấp cho chị P vay 20.000.000 đồng, lãi 6.000 đồng/01 triệu đồng/01ngày, không thỏa thuận thời hạn trả, không lập giấy vay tiền. Quá trình vay chị O có đóng lãi nhưng không biết bao nhiêu. Bà H chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đặng Thị O thừa nhận có vay của chị A 20.000.000 đồng. Bà H không có vay nhưng có ký tên vào giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền chỉ ghi thông tin cá nhân, không ghi số tiền vay và lãi suất. Trong thời gian vay chị có đóng lãi được 4.000.000 đồng. Chị O đồng ý trả dần cho chị A 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đặng Văn T trình bày: O là con gái ông, tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đi thế chấp vay tiền cho ai ông không biết. Ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông yêu cầu lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đang giữ của ông.

Tại bản án sơ thẩm số 105/2017/DS - ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng A (Do ông Trần Lâm S đại diện)

Buộc bà Lê Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Hồng A (Do ông Trần Lâm S đại diện) tiền vốn lãi tổng cộng 293.987.500 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó vốn là 250.000.000 đồng và lãi là 43.987.500 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định.

Ngày 02/10/2017, bà Lê Kim H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa bản án sơ thẩm, bà H chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng cho chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Kim H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không ai bổ sung thêm chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Kim H, sửa án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ nhận 20.000.000 đồng tiền lãi và không yêu cầu tính lãi trong thời gian thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay, bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Vị Thủy nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng qui định của pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2017 bà Lê Kim H có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về sớ tiền vốn vay:

[3.1] Xác định số nợ vốn phải trả: Bà Lê Kim H, chị Đặng Thị O thừa nhận có vay tiền của chị A và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn T nhưng chỉ vay 20.000.000 đồng chứ không phải 250.000.000 đồng. Ngoài ra bà H còn cho rằng khi bà ký tên vào Giấy vay tiền là ký vào đôi giấy tập được xếp đôi lại, bà không biết ký vào trang thứ mấy của đôi giấy này. Lúc ký thì trong tờ giấy chỉ có thông tin cá nhân chứ không có ghi thời hạn trả nợ cũng như không ghi số nợ, vì tin tưởng nên mới ký. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày một phía của bà H, không có gì chứng minh. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự qui định*"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Trong suốt thời gian giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không chứng minh được số tiền bà nợ chị Huỳnh Thị Hồng A là 20.000.000 đồng chứ không phải 250.000.000 đồng. Trong khi đó chị A cho rằng bà H nợ 250.000.000 đồng và xuất trình được giấy vay tiền, trong giấy vay tiền thể hiện rõ số tiền bà H vay của chị P là 250.000.000 đồng, thời hạn vay từ 14/02/2016 đến 14/02/2017, lãi suất 0,81%/tháng. Biên nhận này bà H thừa nhận chữ ký đó là của bà.

[3.2.] Xem xét Giấy vay tiền thì phần chữ ký của bà H là ở phần cuối cùng thuộc trang sau của giấy vay tiền, nội dung giấy vay tiền viết cụ thể, rõ ràng bằng số, bằng chữ, không bị sửa chữa, tẩy xóa. Nếu bà H không vay và thế chấp thì không thể tự mình ký tên vào giấy vay tiền; Trong khi bà cho rằng không có ai ép buộc bà. Mặt khác khi vay tiền ngoài bà còn có chị O là con gái của bà, cả

hai đều biết chữ và trực tiếp ký tên vào giấy vay tiền. Từ phần tích trên cấp sơ thẩm xét xử xác định số tiền mà bà H vay của chị A là 250.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Xác định lãi suất vay:

[4.1] Bà H cho rằng trong thời gian vay chị O có đóng lãi nhưng đóng lãi bao nhiêu thì bà không biết. Còn chị O cho rằng chị vay 20.000.000 đồng và đóng lãi được 4.000.000 đồng; bà H và chị O chỉ trình bày mà không có gì chứng minh rằng đã đóng lãi. Chị A thì không thừa nhận bà H, chị O có đóng lãi nên cấp sơ thẩm không thừa nhận việc bà H, chị O đã đóng lãi là có cơ sở.

[4.2] Bà H có vay tiền và có thỏa thuận trả lãi nên bà H phải có trách nhiệm trả gốc, lãi cho chi A là đúng qui định; tại thời điểm thỏa thuận lãi suất theo giấy vay tiền từ ngày 14/02/2016 đến ngày 14/02/2017 chị A yêu cầu bà H trả lãi suất theo thỏa thuận, sau ngày 14/02/2017 đến khi xét xử sơ thẩm tính lãi theo qui định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 qui định *"Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứn*g." Mức lãi suất cơ bản áp dụng theo Quyết định 2868/QĐ - NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm. Vậy 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng mức lãi được tính là 1,125%/tháng. Do các bên thỏa thuận lãi suất là 0,81%/tháng, thấp hơn mức qui định; nên yêu cầu của chi A là có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm xác định từ 14/02/2016 đến 14/02/2017 là 12 tháng nên lãi trong hạn bà H phải trả là:

(250.000.000 đồng x 0,81%/tháng) x 12 tháng = 24.300.000[đ].

Lãi sau ngày ngày 15/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2017 là 07 tháng 04 ngày (tính tròn là 07 tháng) nên lãi ngoài thời hạn vay bà H phải trả là: (250.000.000 đồng x 1,125%/tháng) x 07 tháng = 19.687.500[đ].

Tổng số lãi bà H phải trả cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm xác định là 43.987.500 đồng là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn vốn và lãi với số tiền 293.987.500 đồng; trong đó vốn là 250.000.000 đồng và lãi là 43.987.500 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi trong thời gian thi hành án; sự tự nguyện này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Chị O, bà H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên để thế chấp cho chị A ông T không biết, theo hồ sơ thể hiện ông có yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Sự tự nguyên của nguyên đơn được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những nhận trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H; tuy nhiên nguyên đơn tự nguyện nhận tiền lãi thấp hơn qui định có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà H thuộc diện hộ nghèo; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, Điều 473, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Kim H; ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Lâm S đại diện ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng A.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng A (Do ông Trần Lâm S đại diện). Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng A yêu cầu nhận 20.000.000 đồng tiền lãi và không yêu cầu tính lãi trong thời gian thi hành án.

2. Buộc bà Lê Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Hồng A tiền vốn lãi tổng cộng 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng); trong đó vốn là 250.000.000 đồng và lãi là 20.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng A, đồng ý trả lại cho ông Đặng Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00155 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2012 cho ông Đặng Văn T.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Lê Kim H thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 06/02/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND H.3
- Chi cục THADS h.3
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải